

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **582/2022/HS-PT**

Ngày: 21/07/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đình Tiên**

Các Thẩm phán:

Ông Trần Đức Hiếu

Bà Nguyễn Bích Ngân

- Thư ký phiên tòa:

Ông Hoàng Nghĩa Hải – Cán bộ Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Th - Kiểm sát viên.

Ngày 21/07/2022 tại trụ sở Tòa án, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2021/TLPT – HS ngày 07 tháng 1 năm 2021 đối với bị cáo Hoàng Thị Thu Th do có kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2020/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXPT - HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với:

Bị cáo: **Hoàng Thị Thu Th**, tên gọi khác: Không; sinh năm: 1980; Giới tính: Nữ.

Nơi ĐKKHKT: thôn Áng Phao, xã CD, huyện TO, thành phố HN (trú tại: Tổ dân phố Long Đăng, phường PCK, thị xã MH, tỉnh HY).

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Hoàng Văn V- sinh năm: 1939 và con bà Nguyễn Thị D- sinh năm: 1949; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Bùi Giáp T1 - sinh năm: 1981; Có 04 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm: 2018; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:**
1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984
Trú tại: Thôn Tảo Dương, xã HD, huyện TO, thành phố HN. Có mặt.
 2. Bà Trần Thị Th1, sinh năm 1974.
Trú tại: thôn Tiên Văn, xã Dân Hòa, huyện TO, thành phố HN. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lưu Thúy H, sinh năm 1977
Trú tại: thôn Hoàng Trung, xã HD, huyện TO, thành phố HN. Vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1984
3. Bà Lâm Thị Thu A1, sinh năm 1966
4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990
Đều trú tại: Thôn Ngô Đông, xã HD, huyện TO, thành phố HN. (Có mặt bà Hoan; vắng mặt bà An, bà Phương Anh)
5. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1989
6. Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1976
Đều trú tại: thôn Mạch Kỳ, xã HD, huyện TO, thành phố HN. Có mặt bà Huyền, bà Hà.
7. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1983
Trú tại: thôn Ngọc Đình, xã HD, huyện TO, thành phố HN. Có mặt.
8. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1976
Trú tại: thôn Kim Thành, xã Kim Thư, huyện TO, thành phố HN. Có mặt.
9. Ông Nguyễn Khắc H6, sinh năm 1959
Trú tại: thôn Tảo Dương, xã HD, huyện TO, thành phố HN. Vắng mặt.
10. Bà Nguyễn Thị Th3, sinh năm 1969
11. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960
12. Bà Quách Thị D, sinh năm 1969
13. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1968
14. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976
15. Bà Quách Thị H8, sinh năm 1984
Đều trú tại: thôn Áng Phao, xã CD, huyện TO, thành phố HN. Vắng mặt ông Hùng, bà Thực, bà Lan, bà Dinh, bà Hường, bà Tình, bà Hoa.
16. Ông Bùi Giáp T1, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: thôn Áng Phao, xã CD, huyện TO, thành phố HN (hiện trú tại: Tổ dân phố Long Đằng, phường PCK, thị xã MH, tỉnh HY).
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến năm 2018, Hoàng Thị Thu Th có nhận đi phường hộ cho 10 người gồm: ông Nguyễn Khắc H6, bà Nguyễn Thị Được; bà Trần Thị Thuý, bà Nguyễn Thị Phương A, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1; bà Lê Thị H2, bà Đặng Thị H3, Nguyễn Thị H4 và bà Nguyễn Thị Thu H5. Tổng số tiền Thuỷ đã nhận để đóng phường của 10 người trên là 1.402.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ông Hùng: 64.000.000 đồng (01 xuất 4.000.000, đi từ ngày 25/01/2017, đóng được 16 tháng)

- Bà Được: 178.000.000 đồng (05 xuất mỗi xuất 2.000.000, đi từ 14/9/2016, đóng được 19 tháng. Tổng là 190.000.000 đồng, trong đó có 12.000.000 là tiền lãi Thuỷ trả cho bà Được tính vào tiền phường. Thực tế bà Được đưa cho Thuỷ là 178.000.000 đồng)

- Bà Thuý: 173.000.000 đồng (03 xuất, 01 xuất 4.000.000, đi từ tháng 12/2015, đã đóng được 26 tháng và 1.000.000 áp cái; 01 xuất 2.000.000, đi từ tháng 8/2016, đã đóng được 20 tháng; 01 xuất 2.000.000 đi từ tháng 01/2017, đã đóng được 14 tháng)

- Bà Phương Anh: 69.000.000 đồng (01 xuất 4.000.000 đồng, đi từ tháng 12/2016, đóng được 17 tháng và 1.000.000 áp cái).

- Bà An: 130.000.000 đồng (02 xuất, mỗi xuất 4.000.000 đồng, đi từ tháng 01/2016 đã đóng được 16 tháng và 2.000.000 đồng tiền áp cái)

- Bà Hoan: 116.000.000 đồng (01 xuất 5.000.000 từ tháng 04/2016, đóng được 23 tháng và 1.000.000 đồng tiền áp cái)

- Bà Huyền: 116.000.000 đồng (1 xuất 5.000.000, từ tháng 4/2016, đóng được 23 tháng và 1.000.000 đồng tiền áp cái)

- Bà Hạnh: 121.000.000 đồng (02 xuất gồm: 1 xuất 5.000.000 đồng đi từ tháng 5/2016, đóng được 22 tháng và 1.000.000 đồng tiền áp cái; 01 xuất 2.000.000 đồng, đi từ tháng 01/2017, đóng được 15 tháng. Tổng là 141.000.000, trong đó có 20.000.000 đồng là tiền lãi Thuỷ trả cho bà Hạnh tính vào tiền phường. Thực tế bà Hạnh đưa cho Thuỷ là 121.000.000 đồng)

- Bà Hà: 130.000.000 đồng (02 xuất, mỗi xuất 4.000.000 đồng, đi từ tháng 12/2016, đã đóng được 16 tháng và 2.000.000 tiền áp cái)

- Bà Hương: 315.000.000 đồng (05 xuất gồm: 03 xuất mỗi xuất 4.000.000 đồng, đi từ tháng 12/2016, đã đóng được 16 tháng và 3.000.000 đồng tiền áp cái; 02 xuất mỗi xuất 4.000.000 đồng, đi từ tháng 01/2017, đã đóng được 15 tháng)

Sau khi nhận tiền, Thuỷ đi hộ phường cho 10 người trên vào các dây phường của 06 chủ phường là bà Nguyễn Thị Thục sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị L sinh năm 1960, bà Quách Thị D sinh năm 1969, bà Nguyễn Thị H7 sinh năm 1968, bà Quách Thị H8 sinh năm 1984, đều trú tại thôn Áng Phao, xã Cao Dương, huyện TO, thành phố HN, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1976, trú tại Thôn Mới, xã CD, huyện TO, thành phố HN với tổng số tiền phường Thuỷ đã đóng là 1.295.800.000 đồng. Cụ thể: Bà Thục 120.800.000 đồng, bà Lan 154.000.000 đồng, bà Đinh 176.000.000 đồng, bà Hương 242.000.000 đồng, bà Tình 255.000.000 đồng, bà Hoa 348.000.000 đồng

Khi đi phường hộ Thuỷ không nói cho những người nhờ đi hộ biết xuất phường của họ Thuỷ đi chỗ chủ phường nào, những người nhờ đi hộ chỉ biết đóng phường cho Thuỷ còn chủ phường chỉ biết là nhận tiền từ Thuỷ. Thuỷ thỏa thuận với những người nhờ đi phường hộ là chỉ đi phường hộ và nhận tiền phường của họ để đóng phường hộ theo tháng. Quá trình đi phường hộ Thuỷ tự phân bổ số tiền phường mà những người đi phường đóng cho Thuỷ vào các dây phường của chủ phường. Thuỷ chịu trách nhiệm về tiền lãi phường, tiền lĩnh phường với 10 người nhờ đi hộ. Những dây phường Thuỷ đóng cho chủ phường nếu thiếu Thuỷ sẽ san tiền phường từ dây khác vào, nếu thừa sẽ lấy lại để bù vào dây khác. Bản thân Thuỷ không phải là chủ phường, Th có đóng phường cho các chủ phường, nhưng trong quá trình đóng phường hộ, Th có vay nợ tiền bên ngoài không có tiền để giải quyết nên Th đã tự ý không đóng 03 xuất phường, để chiếm đoạt sử dụng vào việc trả nợ, trả lãi vay và tiêu sài cá nhân của Thuỷ. Cụ thể:

Một xuất phường đóng 2.000.000 đồng/01 tháng của bà Được. Thuỷ đã nhận tiền phường của bà Được nhưng không đóng phường trong 19 tháng với tổng số tiền là 38.000.000 đồng.

Hai xuất phường, mỗi xuất đóng 2.000.000 đồng/01 tháng của bà Thuý. Một xuất Thuỷ nhận tiền trong 14 tháng là 28.000.000 đồng và một xuất Thuỷ nhận tiền trong 20 tháng là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền phường Thuỷ nhận nhưng không đóng phường hộ bà Thuý là 68.000.000 đồng. Tổng số tiền phường Thuỷ nhận nhưng không đóng phường hộ bà Đ là 38.000.000 đồng.

Ngày 24/6/2020, Thuỷ tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000 đồng, ngày 03/10/2020 giao nộp số tiền 8.000.000 đồng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả trả cho bà Đ

Ngày 02/10/2020, Thuỷ trả cho bà Trần Thị Thuý số tiền 68.000.000 đồng, bà Thuý đã nhận đủ và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Thuỷ.

Tại bản cáo trạng số 73 ngày 09 tháng 10 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện TO truy tố bị cáo bị cáo Hoàng Thị Thu Thủy về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2020/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN đã xử bị cáo Hoàng Thị Thu Th 36

(Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo như sau:

- **Bà Nguyễn Thị Được** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm với nội dung: Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Được toàn bộ số tiền 155.200.000 đồng. Việc Tòa án tách số tiền còn lại thành vụ án dân sự là không đúng bản chất, không đúng tội danh dẫn đến quyết định hình phạt không đúng. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo trả lại 38.000.000 đồng là không đúng, không đủ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Đề nghị Tòa án hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo về khung hình, tội danh, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Được cùng người khác tham gia "họ" (phường) trong vụ án.

- **Bà Đặng Thị H3** có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án sơ thẩm không tuyên buộc bị cáo trả số tiền 130 triệu mà tách thành vụ án dân sự khác là không đúng. Đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải trả số tiền 130 triệu đã chiếm đoạt. Tòa án sơ thẩm đưa bà với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên chỉ được kháng cáo về phần dân sự. Tuy nhiên, bà không đồng ý về khung hình phạt đã xét xử đối với bị cáo bởi cấp sơ thẩm xác định không đúng về số tiền bị cáo chiếm đoạt, về khung hình phạt truy tố, xét xử. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo về khung hình phạt, về tổng số tiền chiếm đoạt cùng người khác tham gia "họ" (phường) trong vụ án.

- **Bà Lâm Thị Thu A1** kháng cáo với nội dung: Bà giao cho bị cáo số tiền 65 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tách số tiền phường bị cáo đã chiếm đoạt thành vụ án dân sự mà không giải quyết trong vụ án hình sự này là không đúng với hành vi, thủ đoạn của bị cáo. Bà không đồng ý về khung hình phạt đã xét xử đối với bị cáo bởi cấp sơ thẩm xác định không đúng về số tiền bị cáo chiếm đoạt, về khung hình phạt truy tố, xét xử. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo về khung hình phạt, về tổng số tiền chiếm đoạt cùng người khác tham gia "họ" (phường) trong vụ án.

- **Bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5** kháng cáo với nội dung: Bà Hoan và bà Huyền giao cho bị cáo số tiền 116 triệu đồng; bà Hạnh giao cho bị cáo số tiền 141 triệu đồng; bà Hương giao cho bị cáo số tiền 253 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tách số tiền phường bị cáo đã chiếm đoạt thành vụ án dân sự mà không giải quyết trong vụ án hình sự này là không đúng với hành vi, thủ đoạn của bị cáo. Không đồng ý về khung hình phạt đã xét xử đối với bị cáo bởi cấp sơ thẩm xác định không đúng về số tiền bị cáo chiếm đoạt, về khung hình phạt truy tố, xét xử. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại đối với bị cáo về khung hình phạt, về tổng số tiền chiếm đoạt cùng người khác tham gia "họ" (phường) trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận các hành vi phạm tội do mình thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Bị hại là bà Nguyễn Thị Được vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H3, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HN phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Được, bà Đặng Thị H3, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5 nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như nội dung bản án sơ thẩm đã xử. Căn cứ kết quả tại phiên tòa hôm nay phù hợp các nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo nhận tội, Tòa án sơ thẩm đã xử bị cáo tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 là đúng. Tòa án sơ thẩm khi xét xử vụ án đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Thu Th; Mức án Tòa án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo Th là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Về yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Được và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo: Việc đi phường hộ là giao dịch dân sự, bị cáo nhận tiền và đóng cho chủ phường là trách nhiệm dân sự giữa các bên. Giành quyền khởi kiện cho các bên khi có đủ điều kiện khởi kiện. Đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm và mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Thu Th. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Được và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H3, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5 nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét, giải quyết kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, Thuỷ đã nhận đi phường hộ 10 người, với tổng số tiền là 1.402.000.000 đồng, trong đó không đi 03 xuất phường

của 02 người là bà Nguyễn Thị Được số tiền 38.000.000 đồng, bà Trần Thị Thuý 68.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Thuý đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên, Thuý sử dụng vào việc tiêu sài cá nhân, nhưng vẫn nói với các bị hại là đi phường hộ đầy đủ và cam kết thanh toán đủ tiền phường cho các bị hại khi đến hạn lĩnh phường. Sau khi nhận số tiền này, Th đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt, sử dụng vào việc cá nhân của Thuý. Quá trình không đóng tiền phường hộ, Th đã đưa ra các thông tin gian dối để các bị hại tin là sự thật, nói với các bị hại là vẫn đóng đủ tiền phường cho họ, để họ tiếp tục đóng tiền phường cho Thuý, để chiếm đoạt tiền. Tổng số tiền Thuý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt là 106.000.000 đồng.

Hành vi của Hoàng Thị Thu Th đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm xác định là hoàn toàn phù hợp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm Hình sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

+ Đối với yêu cầu kháng cáo về hình phạt của bị hại - bà Nguyễn Thị Được: Như nhận định trên thì mức án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Hoàng Thị Thu Th là hoàn toàn phù hợp. Do đó, HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị hại Nguyễn Thị Được.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo về hình phạt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo, HĐXX thấy: Phạm vi kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình mà không có quyền kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo. Do đó, HĐXX không xét yêu cầu kháng cáo này của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Được và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H3, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5 về trách nhiệm dân sự thấy: Quá trình điều tra, CQĐT xác định Th không gian dối với những người nhờ đi phường hộ, do việc đóng phường là có thực, Th tự ý lĩnh trước phường và sử dụng vào việc cá nhân nhưng thời điểm xảy ra sự việc các suất phường chưa kết thúc và những người nhờ đi phường hộ vẫn thỏa thuận tiếp tục đóng phường qua Th và chỉ biết Th chứ không biết chủ phường là ai. Có một số suất phường đến hạn Thuý đã thanh toán được và ở một số suất phường Th còn tiền phường được lĩnh.

Một phần tiền lĩnh phường bị thất thoát do Th bị chủ phường lấy luôn tiền lĩnh phường để trừ nợ do Th có vay tiền của họ. Do đó hành vi tự ý lĩnh phường của Th là vi phạm thoả thuận dân sự nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét giải quyết trong vụ án như nhận định của Bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại cấp sơ thẩm đã nhận định bị cáo nộp số tiền 38.000.000 đồng trả cho bị hại là bà Được thể hiện tại Ủy nhiệm chi ngày 12/10/2020 vào tài khoản số 3949.0.1052754 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO tại kho bạc Nhà nước huyện TO nhưng phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại không tuyên trả lại cho bị hại số tiền bị cáo đã nộp nêu trên cho bị hại là thiếu sót, song điều này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm về phần dân sự là phù hợp.

Bởi các phân tích trên, hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao dịch giữa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là giao dịch dân sự và giành quyền khởi kiện nhưng lại thu tiền kháng cáo đối với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là chưa đúng. Trường hợp này bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm. Do đó cấp phúc thẩm trả lại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền án phí phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự .

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

I./ Không chấp nhận kháng cáo của bị hại là bà Nguyễn Thị Được và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H3, bà Lâm Thị Thu A1, bà Nguyễn Thị H1, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, Nguyễn Thị Thu H5.

II./ Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 74/2020/HS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN về phần dân sự.

Tuyên bố: Hoàng Thị Thu Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: **Hoàng Thị Thu Thủy** 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Thị Thu Th cho Ủy ban nhân dân phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

III. Về dân sự: Trả cho bị hại Nguyễn Thị Được số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu) bị cáo Hoàng Thị Thu Th đã nộp tại Cơ quan điều tra hiện đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1052754 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO tại kho bạc Nhà nước huyện TO theo ủy nhiệm chi ngày 12/10/2020 của Công an huyện TO.

IV. Về án phí:

Trả lại bà Nguyễn Thị H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02474 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Nguyễn Thị H4 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02373 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02372 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Nguyễn Thị Thu H5 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02372 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Nguyễn Thị Được số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02371 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Lê Thị H2 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02375 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Đặng Thị H3 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02376 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

Trả lại bà Lâm Thị Thu A1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02377 ngày 17/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO, thành phố HN.

V. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

VI. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án là ngày 21/07/2022.

Nơi nhận:

- TAND huyện TO;
- VKSND thành phố HN;
- VKSND huyện TO;
- Công an huyện TO;
- Chi cục THADS huyện TO;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia –
Bộ Tư Pháp
- Lưu HS vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tiến